

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn”, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1984; Nơi thường trú: **Khu H, xã T, huyện P, tỉnh P.**

*Bị đơn:* Anh **Phạm Ngọc C**, sinh năm 1984; Nơi thường trú: **Khu H, xã T, huyện P, tỉnh P.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2024.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị **Đinh Thị H** và anh **Phạm Ngọc C**.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị **Đinh Thị H** và anh **Phạm Ngọc C** xác nhận vợ chồng có 2 con chung là cháu **Phạm Đăng K**, sinh ngày 25/4/2016 và cháu **Phạm Thanh H1**, sinh ngày 14/11/2020. Khi ly hôn chị **H** và anh **C** thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu **Phạm Thanh H1**, sinh ngày 14/11/2020 và cháu **Phạm Đăng K**, sinh ngày 25/4/2016 cho anh **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh **C** tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị **Đinh Thị H** và anh **Phạm Ngọc C** đều không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Chị **Đinh Thị H** tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân. Xác nhận chị **H** đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001186 ngày 12/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho chị **H** số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Phạm Việt Hưng**